TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **569**/2022/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 18 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 493/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh V, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 74 đường N, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Anh Trần Ngọc P, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 74 đường N, phường G, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thanh V và anh Trần Ngọc P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Hai bên thỏa thuận giao con chung là Trần Ngọc Uyên N, sinh ngày 24/8/2014 cho chị Trần Thị Thanh V trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Thanh V tạm thời không yêu cầu anh Phước cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị V và anh P xác nhận không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.4. Về án phí tranh chấp hôn nhân gia đình: Gồm 150.000 đồng (300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng). Chị Trần Thị Thanh V tự nguyện chịu toàn bộ án phí. Chị V đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số AA/2021/0003543 ngày 13/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Hoàn trả cho chị V số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND TP Huế;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường G, thành phố H;
(ĐKKH số 17 ngày 16/5/2016)
- Lưu dán;
- Lưu.

Nguyễn Thị Huế